Olympic

Phần 1: bài toán liệt kê

- Là bài toán yêu cầu đưa ra danh sách những cấu hình được thỏa mãn điều kiện đã cho
- Yêu cầu phương pháp liệt kê:
 - Không được lặp lại một cấu hình
 - Không được bỏ sót 1 cấu hình

Đại số tổ hợp

- Chỉnh hợp lặp
- Chỉnh hợp không lặp
- Hoán vị

Chỉnh hợp lặp

- Tập S có n phẩn tử
- X là chỉnh hợp <u>lặp chập k</u> của n phần tử thuộc S, khi

X=x1x2...xk vơi xi thuộc S

 $Vi du: S={1,2,3}$

X là chỉnh hợp lặp chập 2 của S:

X= 11,12,13,21,22,23,31,32,33

→ số chỉnh hợp lặp chập k của n phần tử là n^k

Chính hợp không lặp

- Tập S có n phẩn tử
- X là chỉnh hợp không lặp chập k của n phần tử thuộc S, khi X=x1x2...xk vơi xi thuộc S và các xi không trùng nhau nên k<=n Ví du: S={1,2,3}

X là chỉnh hợp không lặp chập 2 của S: $\times \times \times \times$

X= 12, 13, 21, 31, 23, 32

 \rightarrow số chỉnh hợp lặp chập k của n phần tử là $\frac{n!}{(n-k)!}$

- Tập S có n phẩn tử
- X là tổ hợp chập k của n phần tử thuộc S, khi

X={x1,x2,...,xk} vơi xi thuộc S và các xi không trùng nhau nên k<=n

X là tổ hợp chập 2 của S: X = 7 14, 14 }

 \rightarrow số chỉnh hợp lặp chập k của n phần tử là $\frac{n!}{k!(n-k)!}$

$$\frac{n!}{k!(n-k)!}$$

Các phương pháp liệt kê

- 1. Phương pháp sinh
- 2. Phương pháp quay lui (thuật toán quy lui)
- 3. Phương pháp nhánh cận (kỹ thuật nhánh cận)

phương pháp liệt kê - Phương pháp sinh

- Là phương pháp sinh ra cấu hình tiếp thro dựa trên cấu hình ban đầu
- Phù hợp liệt kê tổ hợp
- Bài toán cần 2 điều kiện thỏa mãn
 - Xác định được một thứ tự trên tập cấu hình tổ hợp cần liệt kê (-> cấu hình đầu tiên và kết thúc)
 - Xây dựng được thuật toán sinh cấu hình từ 1 cấu hình

phương pháp liệt kê - Phương pháp sinh

Ý tưởng:

- -xây dựng cấu hình đầu yiên
- -đưa ra cấu hình /
- -sinh ra cấu hình tiếp theo
- -lặp lại đến khi gặp cấu hình cuối

Phần 1: bài toán liệt kê

- Là bài toán yêu cầu đưa ra danh sách những cấu hình được thỏa mãn điều kiện đã cho
- Yêu cầu phương pháp liệt kê:
 - Không được lặp lại một cấu hình
 - Không được bỏ sót 1 cấu hình
 - →Dùng thứ tự từ điển

Xét quan hệ thứ tự <= (nhỏ hơn hay bằng) trên tập S, nếu thỏa: với mọi a,b,c thuộc S

- a<= b hoặc b<=a
- a<=a
- Nếu

Phần 1: bài toán liệt kê

→ Dùng thứ tự từ điển

Xét quan hệ thứ tự <= (nhỏ hơn hay bằng) trên tập S, nếu thỏa: với mọi a,b,c thuộc S

- a<= b hoặc b<=a (tính phổ biến)
- a<=a (tính phản xạ)
- Nếu a<=b và b<=a thì a=b (tính đối xứng)
- Nếu a<=b và b<=c thì a<=c (tính bắc cầu)

Thứ tư từ điển trên dãy hữu hạn

Xét a[1...n] và b[1...n] có độ dài n nên các phần tử có quan hệ thứ tự Khi đó a<=b nếu

```
-\underline{a[i]} = \underline{b[i]} \text{ voi moi } I = 0
- a[1]=b[1] /
```

- a[2]=b[2] /
- ... a[k-1]=b[k-1] a[k]<b[k]

Thứ tự từ điển trên dãy có số phần tử không bằng nhau

```
Ta thêm \emptyset vào phần tử thiếu và xem nó nhỏ nhất Nên: \{1,2,3,4\} < \{5,6\} \checkmark \checkmark \{a,b,c\} < \{a,b,c,d\} 'calculator' < 'computer'
```

Câu hỏi: thứ tự từ điển dãy nhị phân

- 4 < 2 • 000 và 001
- را , را ا ط > که دا , را • 010 và 011
- 110 và 111

Input: n

Output: liệt kê dãy nhị phân có độ dài n

Ví dụ:

Input:

n=3 /

Output:

000/001/010/011/100/101/110/111

```
Ý tưởng:
```

- -xây dựng cấu hình <u>đầu y</u>iên
- -đưa ra cấu hình tiếp theo
- -sinh ra cấu hình tiếp theo
- -lặp lại đến khi gặp cấu hình cuối

```
Ý tưởng: dãy nhị phân có độ dài 2
011
100
101
      000<001<010<011<100<101<
```

Ý tưởng:

-xây dựng cấu hình đầu yiên

-đưa ra cấu hình

-sinh ra cấu hình tiếp theo

-lặp lại đến khi gặp cấu hình cuối

Ý tưởng: dãy nhị phân có độ dài 2

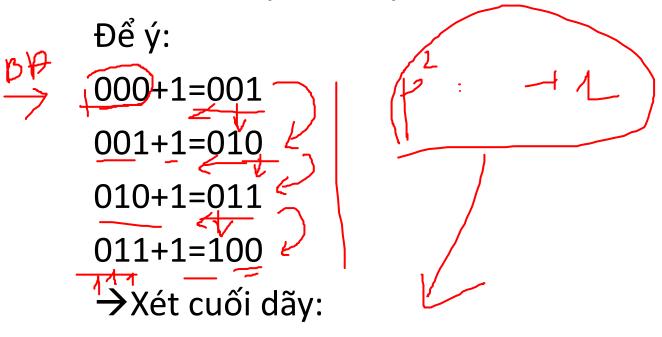
000

-đưa ra cấu hình

-sinh ra cấu hình tiếp theo: = cấu hình hiện tại +1

-lặp lại đến khi gặp cấu hình cuối

111



- nếu gặp số 0-> đổi nó thành 1 và các phần tử sau nó thành 0
- → Nếu không gặp số 0 (khi dãy là 111 là cấu hình cuối), dừng

Cai dạt X={0,0,...,0} Xuất X Cho j = n -> 1 Nếu x[j]=0 thì x[j+1...n] = 1

